

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 495/2023/HC-PT
Ngày 04 tháng 7 năm 2023
V/v *Kiến quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phan Nam;

Ông Nguyễn Văn Tuyên.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Đào Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử trực tuyến (số IV) Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; điểm cầu thành phần: Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh BG, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 179/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 02 năm 2023 về “Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”; do Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2022/HC-ST ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh BG bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7136/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường D, thành phố B, tỉnh BG; (có mặt).

Người đại diện: Ông Dương Ngọc T, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 06, ngõ 3, đường H, phường L, thành phố B, tỉnh BG (Theo Văn bản ủy quyền ngày 23/5/2022); (có mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BG

Người đại diện: Ông Mai S - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BG (Văn bản ủy quyền số 1264/QĐ-UBND ngày 01/7/2022); (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Bà Đỗ Thị Thu H - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh BG; (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh BG;
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh BG.

Người đại diện: Ông Nguyễn Hữu Đ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B (Văn bản ủy quyền số 2439/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 và Văn bản ủy quyền số 3613/QĐ-UBND ngày 06/10/2022) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2022, đơn bổ sung ngày 28/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Văn L (do người đại diện) trình bày:

Ngày 09/4/2019, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố B ban hành Quyết định số 604/QĐ-UBND về giao đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) T hiện dự án khu 6,7 khu đô thị phía Nam thành phố B. Theo đó gia đình ông Nguyễn Văn L được giao đất tái định cư tại lô đất số 13-LK (D-LH-01), diện tích 72,4m² đường Nguyễn Thị Minh K, phường Dĩnh Kế, thành phố B.

Ông L (là con của liệt sỹ Nguyễn Văn V) nên gia đình ông L là đối tượng thân nhân liệt sỹ, gia đình ông L chưa được miễn, hỗ trợ tiền sử dụng đất, chưa được nhận GCNQSDĐ. Do diện tích xin giảm tiền sử dụng đất nằm trong hạn mức giao đất ở cho phép, hồ sơ xin giảm tiền sử dụng đất lập đầy đủ, đúng trình tự theo quy định của pháp luật nên ông L có đơn đề nghị được miễn, giảm tiền sử dụng đất. Tại Công văn số 2208/UBND-HĐXD, Hội đồng xét duyệt miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố B không chấp nhận miễn giảm cho gia đình ông L. Ông L đã khiếu nại và được Chủ tịch UBND thành phố B giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định số 7598/QĐ-UBND ngày 12/10/2021. Ngày 09/12/2021, Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định số 8564/QĐ-UBND về sửa đổi Quyết định số 7598/QĐ-UBND ngày 12/10/2021. Quyết định sửa đổi này không gửi cho gia đình ông L. Ông L tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh BG và được Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại lần hai tại Quyết định số 88/2022/QĐ-UBND ngày 13/01/2022.

Ông L cho rằng Chủ tịch UBND tỉnh lấy lý do “*Giao đất tái định cư khi thu hồi đất; không phải là trường hợp người có công được hỗ trợ bằng hình thức giao đất làm nhà ở*” là trái với khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 118/TTg

ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; khoản 3 Điều 2 Quyết định số 118/TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 2 Điều 1 Quyết định số 117/207/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 1, khoản 6 Điều 10 và khoản 2 Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP thì Chủ tịch UBND tỉnh BG đã làm trái quy định, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về nguyên tắc T hiện việc miễn giảm tiền sử dụng đất và khoản 2 Điều 12 quy định về giảm tiền sử dụng đất thì trường hợp của ông đã thỏa mãn yếu tố chính “*giao đất làm nhà ở*” và “*cấp GCNQSDĐ*”. Do vậy, người có công với cách mạng nếu được “*giao đất làm nhà ở*” hay được “*cấp GCNQSDĐ*” thì được hỗ trợ miễn giảm tiền sử dụng đất. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án tuyên: Hủy Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BG về việc giải quyết khiếu nại của ông (lần hai) (viết tắt là QĐ số 88/QĐ-UBND) và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh BG, Chủ tịch UBND thành phố B giải quyết chế độ giảm tiền sử dụng đất cho đối tượng thân nhân liệt sỹ quy định tại khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng được hỗ trợ 70% tiền sử dụng đất.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh BG trình bày:

- Về thẩm quyền: Chủ tịch UBND tỉnh căn cứ khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011 ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại cho ông L là đúng trình tự thủ tục.

- Về nội dung: Ngày 06/8/2021, ông Nguyễn Văn L gửi đơn đến Chủ tịch UBND thành phố B khiếu nại Công văn số 2208/UBND-HĐXD ngày 02/8/2021 của UBND thành phố B. Ông L cho rằng UBND thành phố B viện dẫn điểm a khoản 2 Điều 2 của Quyết định 118/QĐ-TTg để áp dụng cho trường hợp của ông là áp dụng sai vì đây là trường hợp xét tặng nhà tình nghĩa, được giao đất làm nhà ở hoặc mua nhà trả góp. Trường hợp gia đình ông là giảm tiền sử dụng đất theo khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính Phủ. Ngày 23/8/2021, Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành Thông báo số 148/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và giao Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố tiến hành xác minh. Ngày 12/10/2021, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7598/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông L (lần đầu). Không đồng ý với Quyết định giải quyết lần đầu, ngày 13/10/2021, ông L có đơn khiếu nại lần 2 gửi Chủ tịch UBND tỉnh BG. Nội dung đơn đề nghị được miễn, giảm tiền sử dụng đất khi

Nhà nước giao đất tái định cư cho gia đình ông tại lô đất số 13-LK(D-LH-01), diện tích 72,4m² đường Nguyễn Thị Minh K, phường Dĩnh Kế, thành phố B.

Ngày 08/12/2021, UBND thành phố B ban hành Công văn số 3797/UBND-HĐXD sửa đổi nội dung Công văn số 2208/UBND-HĐXD ngày 02/8/2021 trả lời ông L. Ngày 09/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8564/QĐ-UBND về việc sửa đổi Quyết định số 7598/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L, trú tại Tổ dân phố M I, phường Dĩnh Kế, thành phố B.

Sau khi nhận đơn khiếu nại lần hai của ông L, Chủ tịch UBND tỉnh BG đã thụ lý và giao xác minh. Theo kết quả kiểm tra hồ sơ liệt sĩ lưu tại Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: ông L là con đẻ của liệt sĩ Nguyễn Văn Vinh, là thân nhân liệt sĩ theo quy định của pháp luật về người có công. Theo Biên bản làm việc của UBND phường Dĩnh K, thành phố B ngày 04/5/2021 và trình bày của ông L, nguồn gốc sử dụng đất được xác định: Tổng diện tích đất T tế của bà Nguyễn Thị T (mẹ ông L) và ông L sử dụng trước đây là 365,6m², tờ bản đồ số 05, thửa số 68 do ông cha để lại từ năm 1930. Khi T hiện dự án Khu 6, 7 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố B, Nhà nước đã thu hồi đất tại Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư (đợt 8) và bố trí 01 lô đất tái định cư theo Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND thành phố B. Diện tích còn lại là 264,5m² (hiện nhà ở làm bằng mái lợp tôn, xây dựng năm 2005). Diện tích đề nghị miễn giảm tiền sử dụng đất là 72,4m² được giao tái định cư tại thửa đất 13D-LK-01(D-LH-01) thuộc tờ bản đồ QHPL; thuộc đoạn 2, đường Nguyễn Thị Minh K, vị trí 1.

Ngày 13/01/2022, Chủ tịch UBND tỉnh BG ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông L theo đó đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất của ông L không có cơ sở giải quyết. Việc giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh là khách quan, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với T tế vụ việc. Việc ông Nguyễn Văn L đề nghị Tòa án tuyên hủy QĐ số 88/QĐ-UBND là không có căn cứ pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B trình bày:

Ngày 02/3/2021, bà Nguyễn Thị T (là mẹ ông Nguyễn Văn L) gửi đơn đến UBND thành phố B đề nghị: Bà có chồng là liệt sĩ Nguyễn Văn Vinh. Bà và con trai Nguyễn Văn L ở trên thửa đất tại tổ dân phố M, từ trước đến nay. Hiện gia đình bà được giao đất tái định cư tại lô đất số 13-LK(D-LH-01), diện tích 72,4m² đường Nguyễn Thị Minh K, phường Dĩnh K, thành phố B. Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Quyết định số 118/TTg ngày

27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118/TTg ngày 27/02/1996, đề nghị được Nhà nước miễn, giảm tiền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất tái định cư. Bà T và ông L ký tên trên đơn.

Ngày 22/3/2021, Chủ tịch UBND thành phố B có văn bản giao Hội đồng xét duyệt miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng xem xét, báo cáo và tham mưu giải quyết theo quy định. Hội đồng xét duyệt miễn, giảm có Biên bản số 02/BB-HĐXD ngày 25/3/2021, kết luận:

“1. ...2. Đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn L, không thuộc diện gia đình có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt, không tạo lập được nhà ở, giao đất tái định cư do đó chưa đủ điều kiện để xét miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định”.

Ngày 30/3/2021, UBND thành phố B tiếp tục nhận đơn của ông Nguyễn Văn L đề nghị giảm tiền sử dụng đất (đơn lần 2), gửi kèm có bản photo một số giấy tờ làm căn cứ. Ngày 09/4/2021, Chủ tịch UBND thành phố B có văn bản giao Hội đồng xét duyệt miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng xem xét, tham mưu giải quyết theo quy định. Ngày 02/8/2021, Chủ tịch Hội đồng xét duyệt miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố B đã ban hành Công văn số 2208/UBND-HĐXD trả lời đơn của ông L có nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 1 Quyết định số 118/TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ; điểm a khoản 2 Điều 2 Quyết định số 118/TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 3, khoản 4 Điều 11, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; hộ gia đình ông L không thuộc diện gia đình người có công với cách mạng có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt, không thể tạo lập được nhà ở. Do đó, việc ông đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất tái định cư cho gia đình ông là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Ngày 02/8/2021, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Công văn số 2208/UBND-HĐXD trả lời đơn của L với nội dung: *Căn cứ các quy định nêu trên thì hộ gia đình ông không thuộc diện gia đình người có công với cách mạng có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt, không thể tạo lập được nhà ở; do vậy, việc ông đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất tái định cư cho gia đình ông là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.*

+ Đối với việc thụ lý và giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố B: Ngày 06/8/2021, ông L gửi đơn đến Chủ tịch UBND thành phố B khiếu nại nội dung Công văn số 2208/UBND-HĐXD ngày 02/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B. Ngày 23/8/2021, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại và giao cho Phòng Lao động -

Thương binh và Xã hội thành phố B tiến hành xác minh. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố B ban hành Quyết định số 02/QĐ-LĐTB ngày 26/8/2021 về việc xác minh nội dung khiếu nại, thành lập Tổ xác minh. Ngày 22/9/2021, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có Báo cáo số 38/BC-LĐTB về kết quả xác minh. Ngày 23/9/2021, Chủ tịch UBND thành phố B đối thoại với ông L.

Ngày 12/10/2021, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7598/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của ông L (lần đầu) với nội dung: “Việc ông khiếu nại UBND thành phố B không giảm tiền sử dụng đất cho gia đình khi Nhà nước giao đất tái định cư tại lô đất số 13-LK (D-LH-01), diện tích 72,4m² đường Nguyễn Thị Minh K, phường Dĩnh K, thành phố B; không đồng ý với Công văn số 2208/UBND-HĐXD ngày 02/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B là không có cơ sở giải quyết”.

Không nhất trí với giải quyết trên của Chủ tịch UBND thành phố B, ông L có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh. Trong thời gian chờ Chủ tịch UBND tỉnh BG giải quyết: Ngày 08/12/2021, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Công văn số 3797/UBND-HĐXD sửa đổi nội dung Công văn số 2208/UBND-HĐXD ngày 02/8/2021. Ngày 09/12/2021, Chủ tịch UBND thành phố B có Quyết định số 8564/QĐ-UBND sửa đổi Quyết định số 7598/QĐ-UBND ngày 12/10/2021.

Quan điểm của UBND và Chủ tịch UBND thành phố B thì đây là trường hợp Nhà nước có quyết định giao đất tái định cư khi thu hồi đất không phải là trường hợp người có công được hỗ trợ bằng hình thức giao đất làm nhà ở theo quy định tại Quyết định số 118/TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở. Vì vậy, không thuộc trường hợp được xem xét miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định tại Quyết định số 118/TTg ngày 27/02/1996, Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2022/HC-ST ngày 28 tháng 10 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh BG quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 7, khoản 2 Điều 21, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quyết định số 118-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với Cách mạng cải thiện nhà ở; khoản 1 Điều 10 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; khoản 2 Điều

14 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP quy định về giảm tiền sử dụng đất:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BG về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn L trú tại Tổ dân phố P, phường D, thành phố B, tỉnh BG (lần hai).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Dương Ngọc T kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L nộp trong thời hạn và là đối tượng miễn án phí nên được thụ lý phúc thẩm. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Kháng cáo của ông Nguyễn Văn L là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2022 người khởi kiện là ông Nguyễn Văn L ủy quyền cho ông Dương Ngọc T tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp và T hiện các quyền và nghĩa vụ pháp luật có liên quan đến nội dung ủy quyền. Ngày 10/11/2022, ông T ký và nộp đơn kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2022/HC-ST ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh BG. Ngày 15/11/2022, ông L có đơn đề nghị Tòa án miễn tạm ứng án phí phúc thẩm và án phí phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L khẳng định ông hoàn toàn nhất trí với việc ông T đã T hiện các quyền nghĩa vụ của người khởi kiện và nhất trí với nội dung kháng cáo ông T đã viết và nộp thay ông. Do đó, kháng cáo của người khởi kiện được xem xét giải quyết theo tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án triệu tập họp lệ lần 02, người khởi kiện có mặt; người bị kiện không kháng cáo vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị T (mẹ ông L) và vợ con ông L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì theo trình bày của ông L (ông T) khi giải quyết khiếu nại tại UBND thành phố B và UBND tỉnh BG bà T đã ủy quyền cho ông L. Diện tích đất bị thu hồi nằm tại thửa đất số 244 tờ bản đồ số 12 Thôn Mé, xã Đình Kế, thị xã Bắc Giang (nay là thành phố B) tỉnh BG do ông L là chủ hộ và ông không yêu cầu phải đưa mẹ và vợ con ông tham gia tố tụng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà T và vợ con ông L tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền lợi của bà T và vợ con ông L.

[1.4] Về đối tượng khởi kiện: Ngày 15/3/2022, ông Nguyễn Văn L khởi kiện Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh BG về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn L (lần hai) về việc ông L đề nghị được miễn giảm tiền sử dụng đất theo Quyết định số 118/TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ khi Nhà nước có quyết định giao đất tái định cư cho gia đình ông L là quyết định hành chính do cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền ban hành trong hoạt động quản lý hành chính về lĩnh vực đất đai có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông L nên thuộc đối tượng khởi kiện, còn trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh BG thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[2.1] Xét Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh BG:

[2.1.1] Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Sau khi nhận đơn khiếu nại của ông L đối với Quyết định số 7598/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B và đề nghị được miễn, giảm tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất tái định cư cho gia đình ông, Chủ tịch UBND tỉnh BG ban hành Thông báo số 549/TB-UBND ngày 20/10/2021, đồng thời có Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 20/10/2021, giao Sở Lao động-Thương binh và Xã hội xác minh, đối thoại với công dân. Sở Lao động-

Thương binh và Xã hội đã thành lập tổ xác minh nội dung khiếu nại, tiến hành làm việc, đối thoại với ông L về nội dung khiếu nại. Ngày 24/12/2021, sau khi xác minh, đối thoại, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội có Báo cáo kết quả xác minh số 407/BC-LĐTB&XH. Ngày 13/01/2022, Chủ tịch UBND tỉnh BG ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của ông Nguyễn Văn L là đúng trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền, hình thức quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 2 Điều 21, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại.

[2.1.2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Văn L là con đẻ của liệt sĩ Nguyễn Văn V, là thân nhân liệt sĩ theo quy định của pháp luật về người có công. Diện tích đất T tể của bà T (mẹ ông L) và ông L sử dụng là 365,6m², số tờ bản đồ số 05, thửa số 68 do ông cha đẻ lại từ năm 1930. Khi T hiện dự án Khu 6, 7 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố B, Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất của gia đình ông L tại Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND thành phố B (đợt 8). Gia đình ông L bố trí 01 lô đất tái định cư theo Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND thành phố B. Diện tích còn lại là 264,5m² (hiện có nhà ở làm bằng mái lợp tôn, xây dựng năm 2005). Diện tích đề nghị miễn giảm tiền sử dụng đất là 72,4m² được giao tái định cư cho gia đình ông L là thửa đất 13D-LK-01 (D-LH-01) thuộc tờ bản đồ QHPL; thuộc đoạn 2, đường Nguyễn Thị Minh K, vị trí 1. Số tiền sử dụng đất phải nộp theo Thông báo số 1399/TB-CCT ngày 16/4/2019 của Chi cục Thuế thành phố B là 1.042.560.000 đồng.

Ngày 02/3/2021, bà Nguyễn Thị T (mẹ của ông Nguyễn Văn L) có đơn gửi UBND thành phố B đề nghị gia đình bà ở trên đất tại Tổ dân phố M, từ trước đến nay. Hiện gia đình bà được giao đất tái định cư tại lô đất số 13D-LK-01 (D-LH-01), diện tích 72,4m² đường Nguyễn Thị Minh K, phường Dĩnh K, thành phố B. Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Quyết định số 118-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118-TTg ngày 27/02/1996, đề nghị được Nhà nước miễn giảm tiền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất tái định cư.

Theo Quyết định số 118-TTg ngày 27/02/1996 và Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở thì gia đình liệt sĩ là người có công với cách mạng khi cải thiện nhà ở có thể được áp dụng một trong các hình thức: tặng nhà tình nghĩa, hỗ trợ kinh phí xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở, hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần tiền sử dụng đất khi bán nhà của Nhà nước hoặc giao đất làm nhà ở, các hình thức hỗ trợ khác. Người có công với cách mạng nếu mua nhà

của Nhà nước thì được hỗ trợ toàn bộ tiền sử dụng đất đối với nhà nhiều tầng, nhiều hộ ở.....Mức hỗ trợ đối với thân nhân liệt sĩ là 70% tiền sử dụng đất. Tại khoản 3 Điều 2 Quyết định số 118-TTg quy định: Các mức hỗ trợ tiền sử dụng đất nêu tại khoản c điểm 2 Điều 2 Quyết định 118-TTg cũng được áp dụng đối với các trường hợp được hỗ trợ bằng hình thức giao đất làm nhà ở.

Tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất quy định: “Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất thì chỉ được miễn hoặc giảm một lần trong trường hợp: Được Nhà nước giao đất để làm nhà ở hoặc được phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất khác sang làm đất ở hoặc được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở”.

Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP quy định: “Giảm tiền sử dụng đất ở trong hạn mức giao đất ở (bao gồm giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận cho người đang sử dụng đất) đối với người có công với Cách mạng mà thuộc diện được giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công”.

Tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP quy định về giảm tiền sử dụng đất: “Việc giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP chỉ được T hiện khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cho phép giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền hay phân cấp).”

Đối chiếu với các quy định nêu trên thấy rằng đối với trường hợp hộ gia đình ông L là trường hợp Nhà nước có quyết định giao đất tái định cư khi thu hồi đất để T hiện Dự án; không phải là trường hợp người có công được hỗ trợ bằng hình thức giao đất làm nhà ở theo quy định tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với Cách mạng cải thiện nhà ở. Mặt khác, tại Quyết định số 1113/QĐ-UBND và Quyết định số 1114/QĐ-UBND cùng ngày 20/4/2018 của UBND thành phố B thì hộ gia đình ông L bị thu hồi 73,4m² và được bồi thường tổng số tiền là 737.812.481 đồng. Tại Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 thì gia đình ông L được bố trí đất tái định cư diện tích đất 72,4m², tương đương với diện tích đất bị thu hồi nhưng tại vị trí đất ưu thế hơn, có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ hơn nên phải nộp tiền sử dụng đất là 1.042.560 đồng. Do đó, không thuộc trường hợp được xem xét giảm tiền sử dụng đất theo quy định tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/02/1996 và Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Vì vậy, lý do ông L yêu cầu được hưởng chế độ miễn giảm tiền

sử dụng đất đối với diện tích 72,4m² là không đúng.

Sau khi nhận được đơn của bà T, ông L, Chủ tịch UBND thành phố B đã giao Hội đồng xét duyệt miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng (được thành lập theo Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B) xem xét.

Ngày 02/8/2021, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Công văn số 2208/UBND-HĐXD trả lời đơn của ông Nguyễn Văn L nhưng ông L không đồng ý và khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố B. Ngày 12/10/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7598/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L (lần đầu) đối với Công văn số 2208/UBND-HĐXD ngày 02/8/2021 đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hình thức. Không đồng ý với Quyết định giải quyết lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố B; ngày 13/10/2021, ông L có đơn khiếu nại lần 2 gửi Chủ tịch UBND tỉnh BG. Tại Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 13/01/2022, Chủ tịch UBND tỉnh BG không chấp nhận đơn khiếu nại của ông L với lý do: Đây là trường hợp Nhà nước có quyết định giao đất tái định cư khi thu hồi đất để T hiện Dự án; không phải là trường hợp người có công được hỗ trợ bằng hình thức giao đất làm nhà ở theo quy định tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với Cách mạng cải thiện nhà ở. Vì vậy, không thuộc trường hợp được xem xét miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/02/1996 và Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ là có cơ sở.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 8564/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc sửa đổi Quyết định số 7598/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 (quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu):

Mặc dù quá trình thụ lý, giải quyết và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của ông L có một số sai sót như: Biên bản đối thoại ngày 23/9/2021 của UBND thành phố B, báo cáo kết quả xác minh số 38/BC-LĐTĐ ngày 22/9/2021 của Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố B chưa đảm bảo các nội dung theo mẫu của Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và khoản 4 Điều 29 Luật Khiếu nại. Thời gian giải quyết đơn khiếu nại còn chậm so với quy định. Công văn số 2208/UBND-HĐXD ngày 02/8/2021 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu 7598/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B có nội dung chưa chính xác. Tuy nhiên, ngày 09/12/2021, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8564/QĐ-UBND về việc sửa đổi Quyết định số 7598/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố về giải quyết đơn khiếu nại của ông

Nguyễn Văn L, cụ thể: “1. Tại Mục IV. Kết luận, điều chỉnh như sau: “Gia đình ông Nguyễn Văn L được giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để T hiện Dự án, không thuộc trường hợp người có công được hỗ trợ bằng hình thức giao đất làm nhà ở theo quy định tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở; Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở. Vì vậy, việc ông Nguyễn Văn L không nhất trí với Văn bản của Chủ tịch UBND thành phố về việc trả lời đơn của ông; đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất tái định cư cho gia đình ông tại lô đất số 13-LK (D-LH-01), diện tích 72,4m² tại đường Nguyễn Thị Minh K, phường Dĩnh K, thành phố B không có cơ sở”. 2. Tại Điều 1 sửa đổi như sau: “Nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L, trú tại tổ dân phố M, phường Dĩnh K, thành phố B được giải quyết như sau: Giữ nguyên nội dung Văn bản của Chủ tịch UBND thành phố đã trả lời ông Nguyễn Văn L về việc ông L đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất, giao đất tái định cư cho gia đình để T hiện Dự án. Việc ông khiếu nại UBND thành phố không giảm tiền sử dụng đất cho gia đình khi Nhà nước giao đất tái định cư tại lô đất số 13-LK (D-LH-01), diện tích 72,4m² đường Nguyễn Thị Minh K, phường Dĩnh K, thành phố B là không có cơ sở.”

Như vậy, ngày 09/12/2021 Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 8564/QĐ-UBND sửa đổi Quyết định số 7598/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 là đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung. Mặt khác, tại Quyết định số 88/QĐ-UBND, Chủ tịch UBND tỉnh BG đã đánh giá, xem xét các sai sót trên và quyết định: “Điều 2: Yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố B nghiêm túc rút kinh nghiệm; xem xét, làm rõ trách nhiệm các tập thể, cá nhân có liên quan đến các thiếu sót đã nêu tại mục 1 phần V của Quyết định này.”. Do đó, những thiếu sót nêu trên đã được Chủ tịch UBND tỉnh BG giải quyết triệt để, đảm bảo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông L:

Với các căn cứ nêu tại mục [2.1] và [2.2], Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn L là có căn cứ. Xét nội dung kháng cáo của ông L vẫn như nội dung khởi kiện tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông L.

[4] Về án phí: Kháng cáo của ông Nguyễn Văn L không được chấp nhận nhưng ông L là thân nhân liệt sĩ, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí phúc thẩm cho ông L.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, Điều 12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn L. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2022/HC-ST ngày 28/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh BG

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn L.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phan Nam

Phạm Văn Tuyển

Đặng Thị Thơm

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- Cục THADS tỉnh BG;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thơm